

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-PT

Ngày 08-10-2021

*“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Danh Đại và ông Nguyễn Hồng Chương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Thúy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2021 về *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2021/DS-ST, ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2021/QĐ-PT ngày 26-8-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị C; địa chỉ: Số nhà 18 đường Võ Thị S, tổ dân phố 07, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Võ Cao T - là Luật sư - Công ty luật TNHH Tri Thắng, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Số 02 thôn M, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn G – Có mặt; bà Vũ Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt. Cùng địa chỉ: 91 Đình Tiên Hoàng, tổ dân phố 10, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Tăng Sỹ H; địa chỉ: Tổ dân phố 07, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Tăng Sỹ H:* Bà Đào Thị C; địa chỉ: Số nhà 18 đường Võ Thị S, tổ dân phố 07, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Quách Thị T, ông Vũ Duy S; địa chỉ: Tổ dân phố 04, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

+ Ông Vũ Văn S1 – Có mặt; bà Nguyễn Thị M - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 230 Trần H Đạo, tổ dân phố 04, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Kim Trung C1 (Kim Văn C1), bà Đặng Thị L; địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

+ Ông Hồ Viết Văn; địa chỉ: Tổ dân phố 05, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Đào Thị C – Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2019 của bà Đào Thị C và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Năm 1995 bà có nhận chuyển nhượng lại của ông Vũ Duy S, bà Quách Thị T một thửa đất có diện tích khoảng 140m<sup>2</sup> (chiều ngang khoảng 3,5m; chiều dài khoảng 40m), vị trí giáp ranh với đất của nông trường cà phê Đức L. Thời điểm đó ranh giới giữa đất của bà và đất của nông trường cà phê Đức L có nhiều bụi rậm bỏ hoang không có ai sử dụng, nên bà đã phát dọn bụi rậm thêm được khoảng 1,5m chiều ngang, chiều dài hết đất.

Như vậy, tổng diện tích đất nhận chuyển nhượng và khai hoang thêm khoảng 200m<sup>2</sup>. Ngày 20/4/1996, Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận việc sử dụng đất của bà là hợp pháp. Ngày 17/4/2004, bà được Ủy ban nhân dân huyện Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 023234 thửa đất số 165, tờ bản đồ số 05, diện tích 209m<sup>2</sup>, đứng tên hộ bà Đào Thị C.

Đến khoảng năm 1996 ông Kim Trung C1, bà Đặng Thị L có nhận chuyển nhượng của ông Vũ Duy S, bà Quách Thị T thửa đất diện tích chiều ngang 5,5m, chiều dài hết lô đất, vị trí liền kề với đất của gia đình bà. Năm 1997 ông C1, bà L đã dùng thửa đất này để cản trở nghĩa vụ trả nợ cho ông Vũ Văn S1, bà Nguyễn Thị M. Ngày 12/12/2004, ông S1, bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 891420 thửa đất số 165a, tờ bản đồ số 05, diện tích 328m<sup>2</sup>, đứng tên hộ ông Vũ Văn S1.

Năm 2015 do làm ăn thua lỗ nên ông S1, bà M đã được cơ quan có thẩm quyền tiến hành bán đấu giá tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất để trả nợ, người trúng đấu giá là ông Trần Văn G, bà Vũ Thị Kim L. Đến tháng 9 năm 2018, bà phát hiện bên phía công trình xây dựng của gia đình ông G, bà L có lấn sang đất của gia đình bà diện tích 57,5m<sup>2</sup>. Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ông G, bà L phải cho bà diện tích đất đã lấn chiếm.

- Bị đơn ông Trần Văn G trình bày:

Năm 2015, ông G mua trúng đấu giá thửa đất số 165a, tờ bản đồ số 05, diện tích 328m<sup>2</sup>, trên đất đã xây dựng 01 căn nhà kho là tài sản ông Vũ Văn S1, bà Nguyễn Thị M, tọa lạc tại thị trấn Đắc Mil, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắk Nông. Sau khi mua xong gia đình ông sử dụng ổn định không xảy ra tranh chấp. Nay bà C khởi kiện cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất của bà là 57,5m<sup>2</sup> là không có căn cứ, ông không chấp nhận.

- Người làm chứng bà Quách Thị T trình bày:

Trước đây gia đình bà có một thửa đất liền kề với đất của Nông trường cà phê Đức L, diện tích chiều ngang 11,5m; chiều dài khoảng 40m. Năm 1995 bà chuyển nhượng cho bà Đào Thị C chiều ngang 3,5m, chiều dài hết lô đất; Chuyển nhượng cho ông Kim Trung C1, bà Đặng Thị L diện tích chiều ngang 5m, chiều dài hết lô đất và chuyển nhượng cho ông Vũ Văn S1 chiều ngang 3m, chiều dài hết lô đất. Sau khi chuyển nhượng đã bàn giao đất cho bên nhận chuyển nhượng sử dụng. Nay bà C khởi kiện ông G, bà L về tranh chấp quyền sử dụng đất cụ thể như thế nào thì bà không biết, bà không có L quan gì đến vụ án, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người làm chứng ông Vũ Văn S1 trình bày:

Năm 1997 ông có nhận chuyển nhượng của ông Kim Trung C1 01 thửa đất diện tích chiều ngang 5,5m, chiều dài khoảng 40m. Cũng trong năm 1997 ông có nhận chuyển nhượng của ông Vũ Duy S, bà Quách Thị T diện tích đất chiều ngang 3m và chiều dài khoảng 40m, vị trí liền kề với đất của gia đình ông. Năm 1998, ông đã tiến hành xây dựng nhà kiên cố và sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 2015 không có tranh chấp. Ngày 12/12/2004, được Ủy ban nhân dân huyện Đắc Mil cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 891420 thửa đất số 165a, tờ bản đồ 05, diện tích 328m<sup>2</sup>.

Năm 2015 do làm ăn thua lỗ nên diện tích đất và toàn bộ tài sản trên đất đã bị phát mãi để bán đấu giá, người trúng đấu giá là ông Trần Văn G và bà Vũ Thị Kim Liên. Bên bán đấu giá đã bàn giao đất và tài sản trên đất cho ông G, bà Liên nhận sử dụng. Nay bà C khởi kiện yêu cầu ông G, bà L phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 57,5m<sup>2</sup> là không có căn cứ. Đất của gia đình bà C nhận chuyển nhượng 3,5m chiều ngang, sau đó bà C đã sửa chữa thành 5,5m để kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại đất bà C không bị ai lấn chiếm.

- Người làm chứng ông Hồ Viết Văn trình bày:

Năm 1980 ông có khai hoang được một lô đất ở tuyến đường quốc lộ 14 (nay là đất của bưu điện viễn thông huyện Đắc Mil), lô đất có cạnh phía Đông giáp đất của ông Vũ Duy S, bà Quách Thị T. Đến năm 1995 ông S, bà T chuyển nhượng lại cho bà Đào Thị C diện tích đất chiều ngang là 3,5m và chiều dài hết lô đất, khi đó ranh giới đất giữa gia đình ông và bà C không làm mốc giới cụ thể mà các bên chỉ xác định chiều ngang đất của bà C là 3,5m, còn lại là đất của gia đình ông. Do lô đất ông khai hoang thuộc địa phận của Nông trường cà phê Đức L, do đó nhà nước đã tiến hành cưỡng chế và thu hồi lại để giao cho bưu điện viễn thông huyện Đắc Mil quản lý, sử dụng.

- Đối với bị đơn bà Vũ Thị Kim L, người làm chứng ông Kim Trung C1, bà Đặng Thị L, bà Nguyễn Thị M Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự cho họ, nH vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2021/DS-ST ngày 14-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị C về việc yêu cầu bị đơn ông Trần Văn G, bà Vũ Thị Kim L phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 57.2m<sup>2</sup> tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 05, đất tại thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Đắk Nông.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28-7-2021 nguyên đơn bà Đào Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung đơn kháng cáo và trình bày những nội dung như trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm. Bị đơn không đồng ý với ý kiến trình bày của nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất L ngày 17/01/2005 được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ xác nhận với diện tích đất 209m<sup>2</sup> là phù hợp với thực tế sử dụng đất của bà C tại thời điểm ký xác nhận. Trên cơ sở đó, cơ quan địa chính đã đo đạc và lên bản đồ giải thửa xác định thửa đất số 165, tờ bản đồ số 05, diện tích 209m<sup>2</sup> là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc đất do bà C nhận chuyển nhượng của ông S, bà T diện tích 3,5m chiều ngang dài hết phần đất của ông S, có giấy tờ sang nhượng viết tay. Tuy nhiên khi cấp giấy chứng nhận thì cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào diện tích đất thực tế và bản đồ giải thửa để cấp diện tích chiều ngang 05m, chiều dài 41.5m. Gia đình bà C và gia đình ông S1 được cấp giấy chứng nhận cùng một thời điểm.

Về nguồn gốc đất của ông S1 là do nhận chuyển nhượng của ông Kim Trung C1 chiều ngang 05m, nhận chuyển nhượng của ông S, bà T 03m tổng cộng là 08m chiều ngang. Tuy nhiên, giấy sang nhượng đất giữa ông C1 với ông S1 thể thiện diện tích chiều ngang 5,5m là có sự mâu thuẫn.

Ủy ban nhân dân huyện Đ1 đã có văn bản trả lời về việc cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 05 cấp cho hộ bà Đào Thị C và thửa số 165a, tờ bản đồ 05 đã cấp cho hộ ông Vũ Văn S1 thì Ủy ban nhân dân huyện Đ1 căn cứ vào bản đồ giải thửa đã được đo đạc theo quy trình kỹ thuật địa chính, đơn kê khai đăng ký của hộ gia đình cá nhân để xem xét cấp giấy chứng nhận là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Tại thời điểm ông S1 làm nhà không mời các hộ liền kề ra để xác định mốc ranh giới. Theo kết quả đo đạc thì diện tích đất thực tế gia đình ông G đang sử dụng có cạnh phía Nam giáp đường Quốc lộ 14 dài 8.66m (xéo) và 8.5m (vuông góc). Như vậy, gia đình ông G đang sử dụng nhiều hơn so với diện tích

đất bà T chuyển nhượng. Do đó, việc bà C khai hoang thêm một phần diện tích đất giáp với đất của Nông trường Cà phê Đức L là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông G, bà L phải trả lại cho bà C diện tích đất chiều ngang giáp đường Quốc lộ 14 là 1,2m; chiều ngang phía sau là 48 – 50 cm, chiều dài hết đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Đào Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 69/2021/DS-ST ngày 14-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Đào Thị C làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Đào Thị C, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết, bà C thừa nhận: Ngày 16/02/1995, bà có nhận chuyển nhượng đất của ông Vũ Duy S và bà Quách Thị T diện tích đất chiều ngang 3,5m, chiều dài hết lô đất, hai bên có L giấy sang nhượng đất, có xác nhận của Nông trường cà phê Đức L (BL 104). Năm 1998 gia đình ông S1 đã xây dựng nhà kho trên diện tích đất liền kề với đất của bà C.

[2.1]. Ngày 15/10/2003, bà C làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất số 165, tờ bản đồ số 05 diện tích 209m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất ở, nguồn gốc nhận sang nhượng năm 1995 và kèm theo đơn xin nhượng đất vườn ngày 16/02/1995 giữa ông S, bà T với bà C, trong đó có vẽ sơ đồ vị trí đất sang nhượng, cụ thể chiều ngang giáp đường Quốc lộ 14 là 3,5m, chiều dài 40m (BL 98, 104).

[2.2]. Quá trình giải quyết, bà C cho rằng sau khi nhận chuyển nhượng phía giáp ranh với đất của Nông trường cà phê Đức L còn có nhiều bụi rậm, bà đã phát dọn được khoảng 1,5m chiều rộng, chiều dài hết phần đất bà nhận chuyển nhượng, nên bà đã kê khai cả phần đất khai hoang thêm. Do đó bà đã sửa nội dung trong đơn xin nhượng đất vườn ngày 16/02/1995 giữa bà C với ông S, bà T từ 3,5m thành 5,5m để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận.

[2.3]. Ngày 23/5/2005, bà C làm đơn xin xác nhận lô đất có tứ cận phía Đông giáp kho M S1; phía Bắc giáp lô cà phê nông trường và được Công ty cà phê Đức L ký xác nhận (BL 105). Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận thì gia đình ông S1 đã xây dựng nhà kho từ năm 1998 và là người trực tiếp sử dụng diện tích đất hiện đang tranh chấp, nhưng Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C trong đó có phần diện tích đất

hiện nay đang tranh chấp do gia đình ông S1 xây dựng nhà kho từ thời điểm năm 1998 là không đúng pháp luật.

[2.4]. Tại Công văn số 414/UBND-TNMT ngày 30/3/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil cho biết: Đối với thửa đất số 165, tờ bản đồ số 05 cấp cho hộ bà Đào Thị C và thửa số 165a, tờ bản đồ 05 đã cấp cho hộ ông Vũ Văn S1 thì Ủy ban nhân dân huyện Đắk Mil căn cứ vào bản đồ giải thửa đã được đo đạc theo quy trình kỹ thuật địa chính, đơn kê khai đăng ký của hộ gia đình cá nhân để xem xét cấp Giấy CNQSD đất, không kiểm tra mốc giới, đo đạc thực địa (BL 56). Như vậy, do tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ, Ủy ban nhân dân huyện không tiến hành kiểm tra đo đạc đất thực địa dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận cho hộ bà C có phần chồng lấn sang một phần đất của gia đình ông S1 đã làm nhà sử dụng ổn định là không đúng quy định của pháp luật.

[2.5]. Việc bà C cho rằng sau khi nhận chuyển nhượng phía giáp ranh với đất của Nông trường cà phê Đức L còn có nhiều bụi rậm, nên bà đã phát dọn được khoảng 1,5m chiều rộng, chiều dài hết phần đất bà nhận chuyển nhượng là không có căn cứ. Bởi lẽ, phần đất giáp ranh với đất của ông S, bà T là do ông Hồ Viết Văn khai hoang từ trước khi bà C nhận chuyển nhượng đất, ông Văn đã xây nhà kho để buôn bán cà phê, ranh giới giữa đất ông Văn và bà C không có mốc, chỉ xác định đất của bà C là 3,5m, còn lại là đất của ông Văn. Do ông Văn khai hoang trên đất của Nông trường cà phê, nên bị Nhà nước cưỡng chế và thu hồi lại đất (BL 163).

[3]. Về nguồn gốc đất thửa đất số 165a, tờ bản đồ số 05 hiện nay ông G, bà L đang sử dụng là do ông Vũ Văn S1 nhận chuyển nhượng của ông Kim Trung C1 vào năm 1997, diện tích chiều ngang 5,5m, chiều dài khoảng 40m. Cũng trong năm 1997 ông S1 nhận chuyển nhượng của ông Vũ Duy S, bà Quách Thị T thêm 3m chiều ngang, chiều dài khoảng 40m, vị trí liền kề với lô đất nhận chuyển nhượng của ông C1.

[3.1]. Sau khi nhận chuyển nhượng ông S1 đã xây dựng nhà kho, tại thời điểm xây dựng không có tranh chấp. Ngày 12/12/2004, hộ ông S1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 891420 thửa đất số 165a, tờ bản đồ 05, diện tích 328m<sup>2</sup>, gia đình ông S1 sử dụng ổn định từ năm 1998 đến năm 2015. Do việc làm ăn thua lỗ không có tiền trả nợ, đến ngày 16/11/2015, bị Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Đắk Nông phát mãi bán đấu giá tài sản của gia đình ông S1, người trúng đấu giá là ông Trần Văn G, bà Vũ Thị L. Sau khi nhận tài sản gia đình ông G có sửa chữa và làm thêm nhà nhưng móng và bức tường nhà kho trước đây ông S1 xây dựng vẫn còn nguyên không có gì thay đổi.

[3.2]. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/7/2021 thể hiện: Diện tích đất thực tế gia đình ông G đang sử dụng có cạnh phía Nam giáp đường Quốc lộ 14 dài 8.66m (xéo) và 8.5m (vuông góc); Cạnh phía Bắc dài 8.40m; chiều dài là 39m. Diện tích đất thực tế gia đình bà C đang sử dụng có cạnh phía Nam giáp đường Quốc lộ 14 dài 3.65m (xéo) và 3.57m (vuông góc); Cạnh phía Bắc dài 3.58m; chiều dài 39m. Như vậy, diện tích đất của gia đình bà C nhận chuyển nhượng của ông S, bà T không bị ai lấn chiếm. Ông S1 xây kho trên diện

tích đất ông nhận chuyển nhượng của ông C1 và ông S, bà T. Mặc dù lời khai của bà T xác định chuyển nhượng cho ông Kim Trung C1 05m chiều ngang giáp đường Quốc lộ 14, nhưng giấy tờ sang nhượng giữa ông C1 và ông S1 là 5,5m chiều ngang. Tuy nhiên, trên thực tế thì gia đình ông S1 làm nhà và sử dụng đúng với diện tích đất nhận chuyển nhượng, không có hành vi lấn chiếm đất của gia đình bà C. hiện nay gia đình bà C vẫn sử dụng đúng vị trí, diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà T. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Đào Thị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 69/2021/DS-ST ngày 14-7-2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị C đối với ông Trần Văn G, bà Vũ Thị L về yêu cầu ông G, bà L phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 57.2m<sup>2</sup> tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tổ dân phố 16, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đào Thị C phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001812 ngày 26/11/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Trả lại cho bà Đào Thị C 1.200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Đào Thị C phải chịu 3.532.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng bà C đã nộp. Trả lại cho bà Đào Thị C 6.648.000 đồng tạm ứng chi phí tố tụng còn dư tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đào Thị C phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số

0006711 ngày 03/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil;
- Chi Cục THADS huyện Đ1;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký và đóng dấu*

**Phạm Thị Thông**